

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 15-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Tiến Lả

Ông Hoàng Văn Chung

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trương Thị Hợi - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HS, ngày 24 tháng 03 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Quản Thu H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1981 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N trị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở hiện nay: T, trị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quản Văn B, sinh năm 1956 và bà Nông Thị U, sinh năm 1958; chồng là Dương Minh T, sinh năm 1983 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lương Thị T1, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Nông Thị G, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số nhà 6/7, ngõ 5A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Vũ Lan H1, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 39, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1985; cư trú tại: Số nhà 30A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quản Thu H làm nghề kinh doanh mua, bán và sửa chữa đồng hồ, điện thoại tại thôn N, thị trấn B, huyện B. Năm 2018, Quản Thu H bắt đầu cho vay lãi để kiếm thêm thu nhập, hình thức vay bằng tiền mặt có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy thuộc vào mối quan hệ và số tiền vay với lãi suất cao, vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Những trường hợp vay đều được xác lập giấy vay tiền hoặc ghi chép vào sổ để theo dõi và tính phần trăm lãi suất khác nhau. Từ tháng 7/2018 Quản Thu H đã cho vay với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Lương Thị T1 vay 01 lần: Ngày 19/7/2018 Quản Thu H cho Lương Thị T1 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 182,5%/01 năm, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi một lần. Đã trả lãi tháng 8 là 3.000.000 đồng, tháng 9 là 2.500.000 đồng, tháng 01/2019 trả được 10.000.000 đồng, tổng cộng Lương Thị T1 đã trả cho Quản Thu H 15.500.000 đồng tiền lãi. Đồng thời hai bên chốt nợ số tiền 20.800.000 đồng (20.000.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi). Hiện nay Lương Thị T1 vẫn nợ Quản Thu H số tiền này. Tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay là $547,945 \text{ đồng/1.000.000 đồng/ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 155 \text{ ngày} = 1.698.645 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính là 13.801.355 đồng.

Ngoài số tiền lãi đã trả cho Quản Thu H, Lương Thị T1 còn đưa cho một người thanh niên tên Tuấn (không biết họ, địa chỉ) 5.000.000 đồng, đưa cho Quản Văn H4 (em trai H) 4.900.000 đồng tiền lãi để trả cho H. Qua đối chất tại Cơ quan điều tra Lương Thị T1 xác nhận số tiền 9.900.000 đồng là khoản tiền trả cho Quản Văn H4, không liên quan đến khoản vay 20.000.000 đồng đã vay Quản Thu H.

2. Nông Thị G vay 02 lần:

Lần 1. Ngày 08/10/2018 Quản Thu H cho Nông Thị G vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương ứng 182,5%/01 năm, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi một lần, Quản Thu H yêu cầu Nông Thị G viết giấy biên nhận số tiền 65.000.000 đồng, Nông Thị G trả lãi trước cho Quản Thu H 7.500.000 đồng, đưa cho Nông Thị G 42.500.000 đồng, Nông Thị G có đặt cho Quản Thu H bằng tốt nghiệp Đại học (bản gốc). Đến tháng 01/2019, Nông Thị G trả 03 tháng tiền lãi là 22.500.000 đồng (bao gồm cả khoản cắt lãi trước). Tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay là $547,945 \text{ đồng/1.000.000 đồng/ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} = 2.465.775 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính là 20.034.225 đồng.

Những tháng tiếp theo Nông Thị G không trả được tiền lãi, ngày 03/9/2019 Nông Thị G trả thêm 3.000.000 đồng tiền lãi và xin không trả tiền lãi nữa, Quản Thu H đồng ý chốt nợ 50.000.000 đồng, yêu cầu Nông Thị G trả số tiền này nhưng đến nay vẫn chưa trả được. Đối với số tiền lãi 3.000.000 đồng tính từ ngày 08/01/2019 đến ngày 03/9/2019 là 239 ngày, tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay này là $547,945 \text{ đồng/1.000.000 đồng/ngày} \times 50.000.000$

x 239 ngày = 6.548.002,5 đồng, khoản tiền lãi này nằm trong giới hạn lãi suất hợp pháp của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Lần 2. Tháng 03/2019, Nông Thị G vay Quản Thu H 30.000.000 đồng theo hình thức vay bất hạn, thỏa thuận trả trong vòng 60 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng, sau 60 ngày trả cả gốc và lãi là 36.000.000 đồng. Do Nông Thị G không có khả năng trả lãi nên Quản Thu H chỉ yêu cầu trả tiền gốc. Đến nay chị Nông Thị G chưa trả số tiền này.

3. Vũ Lan H1 vay 01 lần: Ngày 09/11/2018 Quản Thu H cho chị Vũ Lan H1 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng trả lãi 01 lần. Quản Thu H yêu cầu Vũ Lan H1 viết giấy biên nhận là 65.000.000 đồng và để lại 01 Quyết định đi làm (bản phô tô để làm tin). Sau đó Quản Thu H chuyển vào tài khoản của Vũ Lan H1 tại Ngân hàng Agribank số tiền 42.500.000 đồng, cắt lãi trước 01 tháng là 7.500.000 đồng; ngày 10/12/2018, Vũ Lan H1 chuyển cho quản Thu Huệ tiền lãi tháng 01/2019 là 7.500.000 đồng; ngày 21/01/2019 Vũ Lan H1 chuyển tiếp cho Quản Thu H tiền lãi tháng 02/2019 là 7.500.000 đồng. Tháng 3/2019 do không đủ tiền nên chỉ trả tiền lãi là 2.000.000 đồng, ngày 20/3/2019 trả 5.000.000 đồng tiền lãi và ngày 30/3/2019 trả tiếp 10.000.000 đồng tiền lãi của tháng 4 và tháng 5/2019.

Ngày 03/10/2019 Vũ Lan H1 trả thêm cho Quản Thu H 12.000.000 đồng và xin Quản Thu H không tính lãi nữa, Quản Thu H đồng ý và yêu cầu Vũ Lan H1 phải trả đủ 50.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng Vũ Lan H1 đã trả cho Quản Thu H 39.500.000 đồng tiền lãi. Hiện số tiền gốc vẫn chưa trả.

Tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay này là $547,945 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày} = 4.931.550 \text{ đồng}$; số tiền thu lợi bất chính là $39.500.000 \text{ đồng} - 4.931.550 \text{ đồng} = 34.568.450 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền lãi 1.000.000 đồng tính từ ngày 19/5/2019 đến 03/10/2019 là 138 ngày, tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 138 \text{ ngày} = 3.780.855$, số tiền lãi mà Vũ Lan H1 trả cho Quản Thu H đối với khoản vay này nằm trong giới hạn lãi suất hợp pháp Ngân hàng Nhà nước quy định.

4. Vũ Thị H3 vay 01 lần: Ngày 25/11/2018 Quản Thu H cho Vũ Thị H3 vay 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 01 tháng trả lãi 01 lần. Quản Thu H yêu cầu Vũ Thị H3 viết giấy biên nhận với số tiền 63.500.000 đồng. Đến tháng 3/2019 Vũ Thị H3 trả cho Quản Thu H được 04 lần tương ứng với 04 tháng tiền lãi, tổng cộng là 10.800.000 đồng. Ngày 17/10/2019 Vũ Thị H3 trả thêm cho Quản Thu H 1.500.000 đồng và ngày 04/12/2019 trả thêm 500.000 đồng. Sau đó do Vũ Thị H3 không có khả năng trả nên Quản Thu H chốt nợ yêu cầu Vũ Thị H3 trả 30.000.000 đồng tiền gốc, không tính lãi, nhưng đến nay chưa trả được.

Tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay này là $547,945 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/\text{ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 120 \text{ ngày} = 1.972.620$

đồng; số tiền thu lợi bất chính là 10.800.000 đồng - 1.972.620 đồng = 8.827.380 đồng.

Đối với số tiền lãi 1.500.000 đồng tính từ ngày 25/3/2019 đến ngày 17/10/2019 là 207 ngày, tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng đối với khoản vay này là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 207 \text{ ngày} = 3.402.769,5 \text{ đồng}$, nằm trong giới hạn lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định.

Đối với số tiền lãi 500.000 đồng tính từ ngày 18/10/2019 đến ngày 04/12/2019 là 47 ngày, tiền lãi hợp pháp Quản Thu H được hưởng là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 47 \text{ ngày} = 772.609,5 \text{ đồng}$, nằm trong giới hạn lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định.

Tổng số tiền Quản Thu H đã thu lợi bất chính từ Lương Thị T1 13.801.355 đồng, Nông Thị G 20.034.225 đồng, Vũ Lan H1 34.568.450 đồng và Vũ Thị H3 8.827.380 đồng, tổng cộng là 77.231.410 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương ứng với số tiền không quá 547,945 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Tại cơ quan điều tra Quản Thu H khai cho những người liên quan vay là tiền của cá nhân, tổng số tiền cho vay là 150.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 77.231.410 đồng.

Đối với khoảng tiền 30.000.000 đồng mà Quản Thu H cho Nông Thị G vay hồi tháng 3/2019, không tính lãi mà chỉ yêu cầu trả tiền gốc, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay này.

Đối với Quản Văn H4: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xác minh không có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương không biết đi đâu, làm gì, nên không có căn cứ để kết luận Quản Văn H4 có liên quan đến vụ án.

Đối với 02 người đàn ông, trong đó có 01 người tên Tuấn (không biết địa chỉ, tên tuổi cụ thể), quá trình điều tra xác minh không có kết quả nên không có căn cứ điều tra làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Quản Thu H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tài liệu, đồ vật thu giữ: 02 giấy biên nhận mang tên Nông Thị G đề ngày 14/3/2019 và 15/12/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Thị H3 đề ngày 25/11/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Lương Thị T1 đề ngày 01/01/2019; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Lan H1 đề ngày 09/11/2018; 01 quyển sổ vở kẻ ngang, bìa màu vàng, bên ngoài có ghi chữ “Hồng Hà”, bên trong có ghi nhiều chữ và số.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, bị cáo thực hiện hành vi nhằm mục đích kiếm lời, việc cho vay có sự thỏa thuận giữa bị cáo và

những người vay là tự nguyện, tổng số tiền cho những người liên quan vay là 150.0000.000 đồng; thu lời bất chính 77.231.410 đồng. Nay bị cáo đồng ý trả số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay, đồng thời yêu cầu Nông Thị G trả khoản tiền gốc 30.000.000 đồng cho vay không tính lãi cho bị cáo. Đối với những giấy biên nhận của những người vay đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nơi ở, nay bị cáo không có ý kiến gì. Trong quá trình cho vay tiền bị cáo có giữ Bằng tốt nghiệp Đại học (bản gốc) do Nông Thị G đặt làm tin, 01 Quyết định đi làm của chị Vũ Lan H1 tại Trường Trung học phổ thông huyện Cao Lộc (bản phô tô) đặt khi vay tiền; 01 Quyết định đi làm và một thẻ ATM của chị Lương Thị T1, đối với 01 thẻ ATM của chị Lương Thị T1 do đã hết hạn nên Quản Thu H đã trả lại. Đối với các giấy tờ còn lại bị cáo sẽ có trách nhiệm trả lại cho những người liên quan.

Những người liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong các bản khai tại Cơ quan điều tra:

Lương Thị T1 khai: Tháng 7/2018 đến gặp Quản Thu H vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày, được trả lãi cho Quản Thu H 03 lần tổng số tiền là 15.500.000 đồng, vẫn chưa trả được tiền gốc. Nay yêu cầu Quản Thu H trả lại số tiền lãi bất hợp pháp.

Nông Thị G khai vay lần một: từ tháng 10/2018 vay Quản Thu H số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 5.000 đồng/1 triệu/ngày, 01 tháng trả lãi một lần, tuy nhiên Quản Thu H yêu cầu viết giấy vay số tiền là 65.000.000 đồng, đã trả lãi được tổng số tiền là 22.500.000 đồng. Khoản vay này đến nay Nông Thị G vẫn chưa trả được; Lần thứ hai tháng 03/2019 vay Quản Thu H số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, viết giấy biên nhận 36.000.000 đồng, sau đó hai bên thỏa thuận không tính lãi đối với khoản vay này nhưng đến nay vẫn chưa trả được tiền gốc. Nay yêu cầu Quản Thu H trả lại số tiền lãi bất hợp pháp.

Vũ Lan H1 khai: Từ tháng 11/2018 vay Quản Thu H số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi một lần, có viết giấy vay 65.000.000 đồng, thế chấp 01 bản phô tô Quyết định đi làm. Tổng số tiền lãi đã trả cho Quản Thu H là 40.500.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên Quản Thu H chốt nợ 65.000.000 đồng. Nay chưa trả tiền gốc và yêu cầu Quản Thu H trả lại số tiền lãi bất hợp pháp.

Vũ Thị H3 khai: Tháng 11/2018 gặp Quản Thu H vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi 3.000 đồng/1 triệu/ngày, mỗi tháng trả lãi một lần, Quản Thu H yêu cầu viết giấy vay số tiền là 65.000.000 đồng, đã trả tổng số tiền lãi đã trả 10.800.000 đồng, sau đó trả thêm một lần 1.500.000 đồng, một lần 500.000 đồng. Nay yêu cầu Quản Thu H trả lại số tiền lãi bất hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng, trong phần tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quản Thu H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, 47; 50 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 123, 131, 468 Bộ luật dân sự 2015:

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quản Thu H từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo là lao động tự do nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Thu H từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Xử lý tiền phạm tội: Truy thu số tiền gốc 150.000.000 đồng của những người vay chưa trả cho các bị cáo gồm: Lương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng; Nông Thị G số tiền 50.000.000 đồng; Vũ Lan H1 số tiền 50.000.000 đồng; Vũ Thị H3 số tiền 30.000.000 đồng. Truy thu số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo thu từ những người vay số tiền là 17.068.590 để sung ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Quản Thu H phải trả số tiền thu lợi bất chính cho Lương Thị T1 13.801.355 đồng, Nông Thị G 20.034.225 đồng, Vũ Lan H1 34.568.450 đồng và Vũ Thị H3 8.827.380 đồng, tổng cộng là 77.231.410 đồng.

Buộc chị Nông Thị G trả cho bị cáo số tiền gốc không tính lãi 30.000.000 đồng vay tháng 3/2019.

Xử lý vật chứng, tài liệu: Đề nghị tịch thu lưu giữ tài liệu theo hồ sơ vụ án 02 giấy biên nhận mang tên Nông Thị G đề ngày 14/3/2019 và 15/12/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Thị H3 đề ngày 25/11/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Lương Thị T1 đề ngày 01/01/2019; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Lan H1 đề ngày 09/11/2018; 01 quyển sổ vở kẻ ngang, bìa màu vàng, bên ngoài có ghi chữ “Hồng Hà”, bên trong có ghi nhiều chữ và số (đã thống kê trong hồ sơ); đối với thẻ ATM bị cáo đã trả lại cho Lương Thị T1 nên không đề nghị xem xét; đối với Quyết định đi làm của Lương Thị T1, Nông Thị G, bằng tốt nghiệp Đại học của Nông Thị G đề nghị bị cáo trả lại cho những người liên quan.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Nông Thị G phải chịu án phí giá ngạch theo quy định.

Tại phần tranh luận: bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa Lương Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Nông Thị G, Vũ Thị H3, Vũ Lan H1 vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo, do đó có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2019 bị cáo Quản Thu H đã cho 04 người cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, với lãi suất cao từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp từ 5 đến 9 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015. Thu lợi bất chính tổng số tiền 77.231.410 đồng. Khi phạm tội bị cáo đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự; nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm trục lợi cho bản thân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Quản Thu H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi cho vay nặng lãi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, tài chính, ngân hàng, gây dư luận xấu đến trật tự xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến kinh tế của các hộ gia đình khi vay lãi nặng, xâm phạm lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có mẹ là Nông Thị U có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo có chồng đang chấp hành hình phạt tù chung thân, bị cáo một mình nuôi 03 con nhỏ, do vậy bị cáo được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Quản Thu H là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, xét thấy cần xử phạt bị cáo cải tạo tại địa phương, có nghĩa vụ lao động công ích tại địa phương, để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không thuộc diện hộ nghèo, không thuộc diện gia đình chính sách. Căn cứ biên bản xác minh ngày 15/01/2020, hiện nay bị cáo không đứng tên sở hữu tài sản là bất động sản, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo cho biết hàng tháng làm việc cho mẹ bị cáo được trả lương trung bình đến 5.000.000 đồng/1 tháng nhưng không ổn định, do đó cần phạt bổ sung đối với bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà nước. Do thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Về số tiền phạm tội 150.000.000 đồng mà bị cáo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay, nay những người vay chưa trả cho bị cáo, xét thấy cần truy thu Lương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng; Nông Thị G số tiền 50.000.000 đồng; Vũ Lan H1 số tiền 50.000.000 đồng; Vũ Thị H3 số tiền 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Truy thu bị cáo số tiền lãi là 17.068.590 để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền của bị cáo thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lương Thị T1 13.801.355 đồng, Nông Thị G 20.034.255 đồng, Vũ Lan H1 34.568.450 đồng, Vũ Thị H3 8.827.380 đồng, quá trình điều tra những người liên quan yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Xét thấy tại phiên tòa những người có quyền lợi liên quan vắng mặt, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ xác định lời khai của bị cáo, những người liên quan phù hợp với nhau về thời gian, số tiền vay, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại toàn bộ số tiền lãi bất hợp pháp cho những người liên quan, do vậy được chấp nhận.

[10] Đối với số tiền 30.000.000 đồng của bị cáo cho Nông Thị G, tại phiên tòa bị cáo yêu cầu Nông Thị G trả số tiền này. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, xác định đây là khoản tiền Nông Thị G được vay bị cáo từ tháng 3/2019 bằng hình thức vay bất họ, sau đó bị cáo chốt không tính lãi, nhưng Nông Thị G trốn tránh trách nhiệm không chịu trả, do đó tại phiên tòa bị cáo Quản Thu H yêu cầu trả lại là có căn cứ, được chấp nhận.

[11] Về tài liệu gồm: 02 Giấy biên nhận mang tên Nông Thị G đề ngày 14/3/2019 và ngày 15/12/2018; 01 Giấy biên nhận mang tên Vũ Thị H3 đề ngày 25/11/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Lương Thị T1 đề ngày 01/01/2019; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Lan H1 đề ngày 09/11/2018; 01 Quyền sở loại vở kẻ ngang, bìa màu vàng, bên ngoài có ghi dòng chữ “Hồng Hà”, bên trong có ghi nhiều chữ và số, xét thấy là tài liệu chứng cứ cần lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với thẻ ATM mà bị cáo giữ của người liên quan, tại phiên tòa bị cáo cho biết đã trả lại cho chị Lương Thị T1, do vậy không xem xét. Đối với Quyết định đi làm bản photo của Vũ Lan H1, Lương Thị T1, Bằng tốt nghiệp Đại học của Nông Thị G (bản chính), nay bị cáo đang giữ, buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho những người liên quan.

[12] Đối với Quản Văn H4: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xác minh nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, chính

quyền địa phương không biết đi đâu, làm gì, nên không có căn cứ để kết luận Quản Văn H4 có liên quan đến vụ án. Đối với 02 người đàn ông, trong đó có 01 người tên Tuấn (không biết địa chỉ, tên tuổi cụ thể) nên không có căn cứ điều tra làm rõ.

[13] Về án phí: Bị cáo Quản Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; Chị Nông Thị G phải chịu án phí giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; 47; 50 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 123; 131; 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quản Thu H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Quản Thu H 18 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn và gia đình giám sát, giáo dục bị cáo. Đồng thời bị cáo có nghĩa vụ lao động cộng đồng tại địa phương theo khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Phạt bổ sung đối với bị cáo Quản Thu H 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Xử lý số tiền phạm tội: Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc bị cáo cho những người liên quan vay cụ thể: Truy thu Lương Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); Truy thu Nông Thị G số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Truy thu Vũ Lan H1 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Truy thu Vũ Thị H3 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Truy thu bị cáo Quản Thu H số tiền lãi hợp pháp là 17.068.590 đồng (Mười bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm chín mươi đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án gồm: 02 Giấy biên nhận mang tên Nông Thị G đề ngày 14/3/2019 và ngày 15/12/2018; 01 Giấy biên nhận mang tên Vũ Thị H3 đề ngày 25/11/2018; 01 giấy biên nhận mang tên Lương Thị T1 đề ngày 01/01/2019; 01 giấy biên nhận mang tên Vũ Lan H1 đề ngày 09/11/2018; 01 Quyền sở loại vở kẻ ngang, bìa màu vàng, bên ngoài có ghi dòng chữ “Hồng Hà”, bên trong có ghi nhiều chữ và số.

5. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Buộc bị cáo Quản Thu H phải trả số tiền thu lợi bất chính và giấy tờ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 77.231.410 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi một nghìn bốn trăm mười đồng), cụ thể:

Trả lại cho Lương Thị T1 13.801.355 đồng (Mười ba triệu tám trăm linh một nghìn ba trăm năm mươi năm đồng); 01 bản Quyết định đi làm của Lương Thị T1 (Quyết định tuyển dụng) bản phô tô.

Trả lại cho Nông Thị G 20.034.225 đồng (Hai mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn hai trăm hai mươi năm đồng) và 01 Bằng tốt nghiệp Đại học tên Nông Thị G bản gốc.

Trả lại cho Vũ Lan H1 34.568.450 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng) và 01 Quyết định đi làm của Vũ Lan H1 (Quyết định tuyển dụng) tại Trường Trung học phổ thông huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Trả lại cho Vũ Thị H3 8.827.380 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi đồng).

5.2. Buộc Nông Thị G trả cho bị cáo Quản Thu H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Quản Thu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.861.000 (Ba triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; chị Nông Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/5/2020). Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Công an huyện Bình Gia;
- CCTHA huyện Bình Gia;
- Bị cáo và những người TGTG khác;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước